

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG
TRƯỜNG MẦM NON CAO THẮNG

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

NĂM HỌC 2024 - 2025

Độ tuổi: 24 – 36 tháng

Cơ sở giáo dục mầm non: Trường Mầm non Cao Thắng

Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

Hạ Long, Tháng 08 năm 2024

KẾ HOẠCH
NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024 - 2025
ĐỘ TUỔI NHÀ TRẺ: 24 – 36 THÁNG

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG (CÁC VĂN BẢN)

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục mầm non

Căn cứ Quyết định số 2324/UBND, ngày 09 tháng 8 năm 2024 của UBND thành phố Hạ Long về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hạ Long; Căn cứ nhiệm vụ năm học và tình hình thực tế công tác Nuôi dưỡng, Chăm sóc, Giáo dục trẻ. Trường Mầm non Cao Thắng xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU CHUNG

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

1. Mục tiêu chăm sóc, nuôi dưỡng

*** Chế độ sinh hoạt cho trẻ nhà trẻ:**

Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi - Tập

50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/Trả trẻ

*** Tổ chức ăn**

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)
24 - 36 tháng	Cơm thường	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal

- *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

- *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

*** Tổ chức ngủ**

- Ngủ: 1 giấc trưa.

- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

*** Vệ sinh**

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

*** Chăm sóc sức khỏe và an toàn**

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm học. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

2. Mục tiêu giáo dục

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 24 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

(1) Phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

(2) Phát triển nhận thức

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

(3) Phát triển ngôn ngữ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

(4) Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.

- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện.

III. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỤ THỂ

Lĩnh vực	Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG		
	MT 1	<i>- Trẻ đạt được cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</i> - Cân nặng: + Trẻ trai: 15,3 - 18,3kg + Trẻ gái: 14,8 - 18,1kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 93,9 - 103,5 cm + Trẻ gái: 92,9 - 102,7 cm	+ Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu khuyến nghị năng lượng của trẻ tại trường theo độ tuổi: 600 - 651 Kcal/ngày/trẻ (Chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày) + Chăm sóc sức khỏe cho trẻ trong trường mầm non.
	MT 2	<i>- Trẻ có thể thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp.</i>	+ Các động tác hô hấp. + Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai. + Các động tác phát triển cơ lưng, bụng, lườn. + Các động tác phát triển cơ chân.
	MT 3	<i>- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò (trườn).</i>	+ Một số vận động bò, trườn.
	MT 4	<i>- Trẻ có thể giữ được thăng bằng trong</i>	+ Một số vận động đi, chạy thay đổi tốc độ

		<i>vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.</i>	nhANH - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	MT 5	<i>- Trẻ biết giữ thăng bằng trong vận động bước lên xuống bậc cao 15 cm.</i>	+ Các vận động giữ thăng bằng khi bước lên xuống bậc cao 15cm.
	MT 6	<i>- Trẻ có thể bật xa bằng 2 chân khoảng 20 cm.</i>	+ Các vận động động bật xa bằng 2 chân.
	MT 7	<i>- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong tung bắt bóng.</i>	+ Các bài tập phối hợp tay - mắt trong tung bắt bóng.
	MT 8	<i>- Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng.</i>	+ Một số bài tập thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng.
	MT 9	<i>- Trẻ biết phối hợp các vận động cơ thể để chơi các trò chơi vận động, trò chơi dân gian.</i>	+ Các trò chơi vận động. + Các trò chơi dân gian.
	MT 10	<i>- Trẻ có thể thực hiện được vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay – thực hiện “múa khéo”.</i>	+ Thực hiện các vận động cổ tay, ngón tay: múa, xoa tay, đóng, xếp, lật sách...
	MT 11	<i>- Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.</i>	+ Xâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây. + Chắp ghép hình. + Chồng, xếp 6 - 8 khối. + Cầm bút tô, vẽ.
	GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE		
	MT 12	<i>- Trẻ có thể thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.</i>	+ Các loại thức ăn khác nhau trong bữa ăn hàng ngày. + Ích lợi của việc ăn đa dạng các thức ăn

			khác nhau.
	MT 12A	<i>- Trẻ biết một số món ăn vặt, lành mạnh, món ăn mới</i>	+ Sữa tươi không đường và các chế phẩm từ sữa + Các sản phẩm ngũ cốc, nguyên hạt + Nước ép trái cây + Bánh quy giòn + Trái cây ngâm sữa chua + Sa lát rau củ trái cây.
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	MT 13	<i>- Trẻ có thể hình thành một số thói quen tốt trong sinh hoạt.</i>	+ Một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh; lau mặt, lau miệng và uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. + Một số thói quen tốt trong ăn uống: Tự xúc ăn, ăn hết xuất, ăn không rơi vãi....
	MT 14	<i>- Trẻ có thể thích nghi với giấc ngủ buổi trưa.</i>	+ Ích lợi của việc ngủ trưa. + Những hành vi tốt khi trẻ ngủ
	MT 15	<i>- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.</i>	+ Vệ sinh đúng cách, đúng nơi quy định.
	MT 16	<i>- Trẻ có thể làm được một số việc tự phục vụ đơn giản trong sinh hoạt với sự giúp đỡ của người lớn.</i>	+ Một số công việc trong gia đình: Cất quần áo, cất đồ vật, dọn đồ chơi... + Một số công việc trên lớp: xếp, cất gói, lấy và cất ghế, lấy khăn lau mặt, xúc cơm ăn, lấy nước uống,...
	MT 17	<i>- Trẻ biết giữ gìn sức khỏe với sự giúp đỡ của người lớn.</i>	+ Một số việc đơn giản giữ gìn sức khỏe: Đội mũ khi ra nắng; không ra ngoài khi trời mưa; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.

	MT 18	- <i>Trẻ có thể nhận biết và tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.</i>	+ Một số vật dụng nguy hiểm không được phép sờ vào: Lửa, dao, điện, bếp đang đun, phích nước nóng, + Những nơi nguy hiểm không được đến gần: Khu vực bếp, cống, rãnh, ao, hồ, xô nước, giếng..
	MT 19	- <i>Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.</i>	+ Một số hành động nguy hiểm: Leo trèo lên lan can; leo, trèo lên bàn ghế, chơi nghịch các vật sắc nhọn ... và phòng tránh khi được nhắc nhở.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	LUYỆN TẬP VÀ PHỐI HỢP CÁC GIÁC QUAN		
	MT 20	- <i>Trẻ thích được khám phá đồ vật, đồ chơi: Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.</i>	+ Một số đồ vật đồ chơi. + Sờ, nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. + Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng- mềm, nhẵn- xù xì.
	MT 21	- <i>Trẻ có thể nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc</i>	+ Một số âm thanh của đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.
	NHẬN BIẾT		
	MT 22	- <i>Trẻ có thể nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể con người khi được hỏi.</i>	+ Một số bộ phận của cơ thể con người: Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tay, chân.
	MT 23	- <i>Trẻ biết gọi tên, một vài đặc điểm nổi bật (công dụng, màu sắc, hình dạng..) của một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</i>	+ Một số đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp: Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	MT 24	- <i>Trẻ có thể sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</i>	+ Cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + Cách giữ gìn đồ dùng, đồ chơi.
	MT 25	- <i>Trẻ có thể chơi và bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.</i>	- Một số trò chơi: Trò chơi thao tác vai; Trò chơi dân gian...
	MT 26	- <i>Trẻ biết dùng một số đồ vật thay thế trong trò chơi.</i>	+ Một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + Dùng một số đồ vật thay thế trong trò chơi.
	MT 27	- <i>Trẻ biết một số phương tiện giao thông quen thuộc.</i>	+ Một số PTGT: Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của PTGT gần gũi. + Một số Trò chơi với PTGT.
	MT 28	- <i>Trẻ có thể biết một số quy định giao thông đơn giản.</i>	+ Một số quy định giao thông đơn giản: Đi bộ đi bên phải, đi trên vỉa hè, ngồi trên xe máy phải đội mũ bảo hiểm, thực hiện theo đèn giao thông...
	MT 29	- <i>Trẻ biết gọi tên, một vài đặc điểm nổi bật của một số con vật quen thuộc.</i>	+ Tên, đặc điểm nổi bật, tiếng kêu, nơi sống, thức ăn của một số con vật quen thuộc.
	MT 30	- <i>Trẻ biết gọi tên, một vài đặc điểm nổi bật của một số cây cối quen thuộc.</i>	+ Tên, đặc điểm nổi bật, tác dụng của một số cây cối quen thuộc.
	MT 31	- <i>Trẻ biết gọi tên, một vài đặc điểm nổi bật của một số loại rau, củ, quả quen thuộc.</i>	+ Tên, đặc điểm nổi bật của một số loại rau, củ, quả quen thuộc.
	MT 32	- <i>Trẻ biết gọi tên, một vài đặc điểm nổi bật của một số loài hoa quen thuộc.</i>	+ Tên, đặc điểm nổi bật của một số loài hoa quen thuộc.

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	MT 33	- <i>Trẻ biết một số thay đổi của sự vật hiện tượng, thời tiết.</i>	+ Một số thay đổi nào đó về thời tiết như cảnh mưa rơi, lá rụng....
	MT 34	- <i>Trẻ có thể nhận biết được một số mùa trong năm.</i>	+ Một số mùa trong năm: Mùa xuân, mùa hè.
	MT 35	- <i>Trẻ có thể chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.</i>	+ Các màu cơ bản: Màu đỏ, vàng, xanh.
	MT 36	- <i>Trẻ có thể chỉ hoặc lấy cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.</i>	+ Kích thước to - nhỏ.
	MT 37	- <i>Trẻ biết và phân biệt được một vài hình đơn giản gần gũi.</i>	+ Hình tròn, hình vuông.
	MT 38	- <i>Trẻ nhận biết được số lượng một và nhiều.</i>	+ Số lượng (Một - nhiều).
	MT 39	- <i>Trẻ nhận biết được vị trí trong không gian.</i>	+ Vị trí trong không gian (Trên - dưới, trước-sau) so với bản thân trẻ.
	MT 40	- <i>Trẻ nói được tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.</i>	+ Tên của bản thân. Đặc điểm bên ngoài của bản thân.
	MT 41	- <i>Trẻ nói được tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.</i>	+ Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.
	MT 42	- <i>Trẻ nói được tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.</i>	+ Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.
	MT 43	- <i>Trẻ nhận biết và nói được tên các ngày lễ hội trong năm khi được hỏi và gợi ý.</i>	+ Tên các ngày lễ, hội: Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày tết nguyên đán, Lễ hội du lịch Hạ Long.

	MT 44	- <i>Trẻ có thể kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương khi được hỏi và gợi ý.</i>	+ Tên một vài danh lam thắng cảnh gần gũi ở địa phương: Bãi biển bãi Cháy, Vịnh Hạ Long, núi Bài Thơ,...
	MT 45	- <i>Trẻ có thể nhận ra và nói tên Bác Hồ khi được hỏi và gợi ý.</i>	+ Hình ảnh Bác Hồ kính yêu.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	NGHE HIỂU LỜI NÓI		
	MT 46	- <i>Trẻ có thể nghe và thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động.</i>	+ Nghe âm thanh + Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
	MT 47	- <i>Trẻ có thể nghe và trả lời các câu hỏi “Ai đây”; “Cái gì đây?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”;</i>	+ Nghe, hiểu các câu hỏi: “Ai đây”; “Cái gì đây?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”;
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	MT 48	- <i>Trẻ thích nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò, vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.</i>	+ Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò, vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Nghe kể chuyện minh họa bằng những con rối, đồ chơi.
	NÓI		
	MT 49	- <i>Trẻ có thể phát âm rõ tiếng.</i>	+ Phát âm rõ tiếng. + Nhắc lại từ ngữ và câu rõ ràng khi được nghe.
	MT 50	- <i>Trẻ có thể đọc được các đoạn thơ, bài thơ ngắn, kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có sự gợi ý.</i>	+ Các đoạn thơ, bài thơ, đồng dao, ca dao ngắn có câu 3 - 4 tiếng.

			+ Các câu chuyện trẻ được nghe. + Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có gợi ý.
	MT 51	<i>- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.</i>	+ Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. + Trả lời và đặt câu hỏi rõ ràng: Cái gì? Làm gì? Ở đâu? ...thế nào? Để làm gì? Tại sao?..
	MT 52	<i>- Trẻ sử dụng được lời nói với các mục đích khác nhau.</i>	+ Nói với các mục đích khác nhau: chào hỏi, trò chuyện, bày tỏ nhu cầu cá nhân...
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	MT 53	<i>- Trẻ biết sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.</i>	+ Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn: Nói to, đủ nghe, lễ phép.
	LÀM QUEN VỚI SÁCH		
	MT 54	<i>- Trẻ biết mở sách, cầm sách đúng chiều để xem.</i>	+ Lắng nghe khi người lớn đọc sách. + Mở sách, cầm sách đúng chiều để xem.
	MT 55	<i>- Trẻ biết xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.</i>	+ Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. + Một số biểu cảm của trẻ khi nghe người lớn đọc sách.
	PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM		
	MT 56	<i>- Trẻ nói được một vài thông tin về mình (Tên, tuổi).</i>	+ Tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.

PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM - KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ	MT 57	- <i>Trẻ thể hiện được điều mình thích và không thích.</i>	+ Sở thích của bản thân. + Một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích.
	MT 58	- <i>Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu đơn giản của người khác.</i>	+ Thực hiện yêu cầu đơn giản của bạn, cô giáo.
	MT 59	- <i>Trẻ biểu lộ được cảm xúc thích giao tiếp với mọi người xung quanh.</i>	+ Giao tiếp với những người xung quanh. + Một số trạng thái cảm xúc của bé.
	MT 60	- <i>Trẻ có thể nhận biết và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.</i>	+ Một số trạng thái: Vui , buồn, tức giận... + Cách biểu lộ trạng thái cảm xúc.
	MT 61	- <i>Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.</i>	+ Quan tâm đến các con vật nuôi. + Chơi với con vật gần gũi. + Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc, gần gũi.
	MT 62	- <i>Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, biết bày tỏ lòng kính yêu đối với Bác</i>	+ Hình ảnh Bác Hồ kính yêu. + Thể hiện tình cảm kính yêu đối với Bác Hồ.
	MT 63	- <i>Trẻ thể hiện sự thích thú khi được nhắc đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương.</i>	+ Thể hiện tình cảm, cảm xúc đơn giản đối với cảnh đẹp, lễ hội của quê hương.
	MT 64	- <i>Trẻ thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các mùa, của thiên nhiên,...</i>	+ Cảm xúc trước vẻ đẹp của các mùa, thiên nhiên.
	PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG XÃ HỘI		
	MT 65	- <i>Trẻ có thể giao tiếp với những người xung quanh.</i>	+ Giao tiếp với những người xung quanh.
	MT 66	- <i>Trẻ biết chơi thân thiện với bạn.</i>	+ Chơi cạnh các bạn. + Không tranh giành đồ chơi với bạn, chơi

PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM - KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ			đoàn kết.
	MT 67	- <i>Trẻ biết cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi.</i>	+ Cách sử dụng đồ dùng đồ chơi.
	MT 68	- <i>Trẻ biết thực hiện một số hành vi văn hóa, ứng xử phù hợp trong giao tiếp.</i>	+ Giao tiếp với những người xung quanh. + Một số hành vi: chào hỏi, xin lỗi... + Một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào hỏi, chào tạm biệt, cảm ơn, xin lỗi, nói từ "ạ", "vâng ạ"... khi được nhắc nhở. Chơi cạnh bạn, không cầu bạn.
	MT 69	- <i>Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ.</i>	+ Các trò chơi bắt chước, đóng vai.
	MT 70	- <i>Trẻ thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp và gia đình.</i>	+ Một số qui định đơn giản ở lớp, ở nhà và nơi công cộng.
	MT 71	- <i>Trẻ thích được quan tâm đến các con vật nuôi.</i>	+ Thể hiện sự quan tâm đến các con vật nuôi.
	PHÁT TRIỂN CẢM XÚC THẨM MỸ		
	MT 72	- <i>Trẻ thích nghe hát, nghe nhạc, thích hưởng ứng cảm xúc và vận động theo nhạc bài hát.</i>	+ Các bài hát, bản nhạc đơn giản phù hợp với độ tuổi. + Sự hưởng ứng cảm xúc cùng cô.
	MT 73	- <i>Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo nhạc.</i>	+ Các bài hát, bản nhạc đơn giản phù hợp với độ tuổi. + Các hình thức vận động đơn giản.
	MT 74	- <i>Trẻ có thể chơi được các trò chơi âm nhạc.</i>	+ Các trò chơi âm nhạc đơn giản.
	MT 75	- <i>Trẻ thích và tích cực tham gia vào các hoạt động tô màu tranh.</i>	+ Tô màu trên những bức tranh đen trắng đã in sẵn (Hình vẽ to, đơn giản, rõ ràng, ít chi tiết) như: hoa, quả, em bé, đồ dùng, đồ

PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM - KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ			chơi...
	MT 76	- <i>Trẻ thích và tích cực tham gia vào hoạt động vẽ.</i>	+ Sử dụng các đường nét khác nhau: nét xiên, thẳng, nét xoay tròn tạo ra sản phẩm. + Cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc. + Khuyến khích trẻ đặt tên cho sản phẩm.
	MT 77	- <i>Trẻ thích và tích cực tham gia vào hoạt động nặn.</i>	+ Sử dụng đất nặn; tự do cầu, véo, lăn, ấn đập, chia nhỏ đất nặn thành sản phẩm: con giun, cái bánh, quả trứng...
	MT 78	- <i>Trẻ thích và tích cực tham gia vào các hoạt động xé, dán.</i>	+ Các thao tác xé dán: xé vụn, xé dải, vò giấy.
	MT 79	- <i>Trẻ thích và tích cực tham gia vào các hoạt động xếp hình, xem tranh.</i>	+ Sử dụng các hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc khác nhau. + Xem tranh truyện: sử dụng tranh có nhiều màu sắc, hình vẽ sinh động.

IV. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	TÊN CHỦ ĐỀ LỚN	SỐ TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CÁC SỰ KIỆN LỚN
-----	----------------	---------	---------------------	-----------------

1	Cô và các bạn của bé	02	16/09-27/09/2024	- Tết Trung thu
2	Đồ dùng - đồ chơi của bé	03	30/09- 18/10/2024	
3	Cây và những bông hoa đẹp	04	21/10-15/11/2024	
4	Bé biết nhiều thứ	04	18/11-13/12/2024	- Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11
5	Những con vật đáng yêu	04	16/12/2024 - 10/01/2025	
6	Tết và mùa xuân	03	13/01 - 14/02/2025	- Tết Nguyên Đán
	Nghỉ tết 2 tuần: (27/01 -> 08/02/2025)			
7	Những người thân yêu của bé	04	17/02 - 14/3/2025	- Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3
8	Bé có thể đi khắp nơi bằng các phương tiện giao thông.	04	17/03 - 11/4/2025	
9	Bé vui đón hè	04	14/4 - 09/5/2025	
10	Bé lên mẫu giáo	03	12/5 - 30/5/2025	- Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5
Tổng g	10 chủ đề	35 tuần	Tuần 1 bắt đầu 16/09/2024. Tuần 35 kết thúc 30/05/2025.	

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 của Trường Mầm non Cao Thắng. Đề nghị tổ chuyên môn khối Nhà trẻ 24-36 tháng; căn cứ Kế hoạch để xây dựng Kế hoạch tại nhóm/lớp. Mọi vướng mắc cần trao đổi lại với BGH nhà trường để cùng thống nhất./.

**PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH
T.M HỘI ĐỒNG NHÀ TRƯỜNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



Đặng Thị Hoài Hương

Cao Thắng, ngày 23 tháng 08 năm 2024

**TM. TỔ CHUYÊN MÔN
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đào Thị Phương

